

Sách Giô-ên và Hội Thánh Cơ Đốc Phục Lâm Ngày Thứ Bảy La-ô-đi-xê - Số Mười Lăm

Jeff Pippenger

2025-12-21

Số mười lăm

Tôi cho rằng điều quan trọng là phải hiểu mối liên hệ giữa biểu tượng về bốn thế hệ với sứ điệp mưa rào cuối mùa để có hy vọng tốt nhất nhận ra ý nghĩa của bốn câu mở đầu chương một sách Giô-ên. Giô-ên cất lên bài ca về vườn nho, nhưng khổ mở đầu của ông là mối liên hệ mang tính tiên tri của giao ước với bốn thế hệ.

Ngài phán với Áp-ram: Người phải biết chắc rằng dòng dõi người sẽ làm khách lạ trong một xứ không thuộc về họ; chúng sẽ phục dịch người ta, và người ta sẽ hà hiếp chúng bốn trăm năm. Nhưng Ta cũng sẽ xét đoán dân tộc mà chúng phục dịch; rồi sau đó, chúng sẽ ra khỏi đó với của cải lớn. Phần người, người sẽ về cùng tổ phụ mình cách bình an; người sẽ được chôn trong tuổi già tốt đẹp. Đến đời thứ tư, họ sẽ trở lại đây, vì tội ác của người A-mô-rít vẫn chưa trọn. Sáng Thế Ký 15:13-16.

Đoạn này là lời tiên tri đã được ứng nghiệm qua cuộc đời của Moses. Khi sách Joel mở đầu bài ca về vườn nho bằng việc nhắc tới bốn thế hệ với mức độ hủy diệt tăng dần, điều đó gắn sách Joel với thế hệ thứ tư và cuối cùng theo lời tiên tri. Thế hệ ấy là “thế hệ được chọn” của Peter, những người đã được gọi ra khỏi bóng tối vào “ánh sáng diệu kỳ” của Ngài. Họ được đặt trong thế đối chiếu với đối trọng cùng thế hệ của họ, được mô tả như một thế hệ rắn độc. Thế hệ thứ tư và cuối cùng ấy được đại diện bởi John, người là biểu tượng của một trăm bốn mươi bốn nghìn người, những người “được gọi, được chọn lựa và trung tín.”

Được kêu gọi vào 9/11, được chọn trong Tiếng Kêu Nửa Đêm và trung tín trong cơn khủng hoảng luật ngày Chủ nhật, cũng như người Lê-vi đã trung tín trong các cuộc nổi loạn con bò vàng của A-rôn và Giê-rô-bô-am. Những linh hồn được tinh luyện như bạc trong Ma-la-chi đoạn ba là những người Lê-vi được chọn trong thời kỳ sứ điệp của Tiếng Kêu Nửa Đêm, vì sự đóng ấn được thực hiện bằng, và qua, sự tuân thủ của Đức Thánh Linh.

Trong bài viết trước, chúng ta đã nêu lên những nét từ lịch sử của Môi-se, người mà Bà White xác định là “alpha” của lời tiên tri Kinh Thánh, và người được kết nối cách tiên tri với Đấng Christ là “omega” của lời tiên tri Kinh Thánh. Môi-se là viên đá nền tảng và Đấng Christ là viên đá chóp. Cả hai đều là biểu tượng của sự giải cứu khỏi tội lỗi, điều được thể hiện qua cuộc giải cứu khỏi Ai Cập dưới sự lãnh đạo của Môi-se. Tuy nhiên, mọi sự bày tỏ quyền năng của Đức Chúa Trời đã diễn ra qua tay Môi-se đều bị vượt xa khi Đấng Christ xác nhận giao ước với nhiều người trong một tuần lễ. Môi-se là alpha và Đấng Christ là omega, và omega là con số “22” còn alpha là con số “1”.

Khi xét đến Môi-se, chúng ta thấy sự giải cứu thắm nhuần lời chứng tiên tri của ông gắn liền với nước. Sự giải cứu ông khỏi nước sông Nin khi mới sinh phảng phát hình bóng của Nô-ê trong chiếc tàu. Phép báp-têm tại Biển Đỏ tương ứng với Nô-ê và tám người ở trong tàu, và điều đó lại tương

ứng với phép báp-têm của Giô-suê tại sông Giô-đanh, điều đã được Đấng Christ lập lại ngay tại chính địa điểm ấy. Lời chứng của Môi-se bắt đầu với sự giải cứu tại sông Nin và kết thúc ở bờ sông Giô-đanh. Phép báp-têm của Đấng Christ là sự xúc dầu để Ngài làm chứng trong ba năm rưỡi cho đến khi Ngài chịu chết, điều đã được biểu thị ngay từ ban đầu trong phép báp-têm của Ngài. Khi Ngài phục sinh thì chỉ mới là vài giọt, cho đến khi sự tuôn đổ trọn vẹn vào Lễ Ngũ Tuần.

Lời hứa giao ước của Đức Chúa Trời đối với nhân loại bắt đầu với Nô-ê, và lời hứa giao ước của Ngài đối với một dân được chọn qua Áp-ra-ham đã được làm trọn qua Môi-se. Môi-se, Anpha, tiêu biểu cho Giê-su, Ômêga, Đấng sẽ đến và xác nhận giao ước với "nhiều người", chứ không chỉ với một dân được chọn. Là hình bóng của Đấng Christ, sự ra đời của Môi-se tương ứng với giao ước ban cho Nô-ê, với câu vồng làm dấu cho mọi người. Môi-se cũng tương ứng với giao ước dành cho một dân được chọn, với phép cắt bì làm dấu cho dân được chọn. Công việc giao ước của Môi-se là với "nhiều người", chứ không đơn thuần với một dân được chọn. Nếu không phải như vậy, họ đã không liên tục bị quấy nhiễu bởi đám dân tạp.

Giữa mọi dạng 'những dòng nước giải cứu' được thể hiện xuyên suốt đời Môi-se, phép báp-têm tại Bethabara trên sông Giô-đanh kết nối khởi đầu lịch sử giao ước của Y-sơ-ra-ên cổ đại trong Đất Hứa với phần kết thúc lịch sử ấy, trong tuần lễ khi Đấng Christ xác nhận giao ước với nhiều người. Phép báp-têm của Đấng Christ tương ứng với phép báp-têm của Y-sơ-ra-ên cổ đại, và cả hai lịch sử đều nói về sự phục sinh của Ngài, khi Ngài thả ra vài giọt mưa, trước những cơn mưa rào dồi dào tại Lễ Ngũ Tuần năm mươi ngày sau. Toàn bộ mạch từ Alpha đến Ômêga, xét từ Môi-se đến Đấng Christ, được khắc họa trong các dòng nước giải cứu.

Khi dạy các môn đồ ấy, Chúa Giê-xu cho thấy tầm quan trọng của Cựu Ước như lời chứng cho sứ mệnh của Ngài. Nhiều người tự xưng là Cơ Đốc nhân hiện nay gạt bỏ Cựu Ước, cho rằng nó không còn ích dụng gì nữa. Nhưng đó không phải là sự dạy dỗ của Đấng Christ. Ngài coi trọng nó đến nỗi có lần Ngài phán: "Nếu họ không nghe Môi-se và các đấng tiên tri, thì dầu có người từ kẻ chết sống lại, họ cũng chẳng chịu tin." Lu-ca 16:31.

"Chính tiếng phán của Đấng Christ vang qua các tổ phụ và các tiên tri, từ những ngày của A-đam cho đến những cảnh cuối cùng của thời gian. Đấng Cứu Thế được bày tỏ trong Cựu Ước rõ ràng như trong Tân Ước. Chính ánh sáng từ quá khứ tiên tri làm sáng tỏ đời sống của Đấng Christ và những giáo huấn của Tân Ước với sự rõ ràng và vẻ đẹp. Những phép lạ của Đấng Christ là bằng chứng về thần tính của Ngài; nhưng một bằng chứng mạnh mẽ hơn rằng Ngài là Đấng Cứu Chuộc của thế gian được tìm thấy khi so sánh các lời tiên tri của Cựu Ước với lịch sử của Tân Ước." *The Desire of Ages*, 799.

Trong các bài viết bàn về sách Giô-ên, chúng ta đã "so sánh các lời tiên tri của Cựu Ước với lịch sử của Tân Ước", và cũng so sánh với lịch sử của Y-sơ-ra-ên thuộc linh thời hiện đại. Dù là Cựu hay Tân Ước, hoặc lịch sử về ba thiên sứ bắt đầu vào năm 1798, tất cả những điều ấy đều được trình bày như "tiếng phán của Đấng Christ." Lời chứng viết của Kinh Thánh và Thần Linh của Lời Tiên Tri là tiếng phán của Đấng Christ, và tiếng phán của Đấng Christ là tiếng phán của Đấng là Ngôi Lời của Đức Chúa Trời.

“Tiếng nói” của Lời Đức Chúa Trời là sứ điệp của Đức Chúa Trời, được bày tỏ trong Lời đã chép của Ngài. Sứ điệp của Ngài trong những ngày sau rốt là sứ điệp về mưa cuối mùa, bao gồm mưa đầu mùa, rồi kế đến là mưa đầu mùa và mưa cuối mùa, theo Giô-ên.

Gioan, người nhận khải thị, đại diện cho một trăm bốn mươi bốn nghìn người trở về những nẻo xưa, vì ông nghe một "tiếng" phía sau mình. "Tiếng" phía sau ấy là tiếng của Chúa Kitô "từ thời A-đam" trở đi.

Tôi quay lại để xem tiếng nói đã phán cùng tôi. Và khi quay lại, tôi thấy bảy chân đèn bằng vàng. Khải Huyền 1:12.

Câu ấy đánh dấu một chỗ ngắt trong chương một, vì cho đến câu trước đó Giảng còn ở trên hòn đảo gọi là Patmos, nhưng ở câu mười hai ông quay lại, và từ đó trở đi Giảng ở trong Đền thánh trên trời. Khi ông quay lại là vì ở câu mười ông đã nghe một tiếng nói từ phía sau.

Tôi ở trong Thánh Linh vào ngày của Chúa, và nghe phía sau tôi có một tiếng lớn như tiếng kèn, phán rằng: Ta là An-pha và Ô-mê-ga, là đầu tiên và là cuối cùng; điều ngươi thấy, hãy chép vào một quyển sách, và gửi cho bảy hội thánh ở A-si-a: Ê-phê-sô, Si-miéc-nơ, Bết-gam, Thi-a-ti-ra, Sạt-đê, Phi-la-đen-phi, và Lao-đi-xê. Khải Huyền 1:10, 11.

Giảng đại diện cho những người nghe tiếng của Đấng Christ phía sau họ. Ông nghe sứ điệp tiếng kèn của Giê-rê-mi kêu gọi trở về các nẻo xưa, những nẻo đường mà kẻ ác đã từ chối bước đi, và tiếng kèn cảnh báo mà họ không chịu lắng nghe. Giảng đã lắng nghe, và tiếng nói phía sau ông tự xưng là An-pha và Ô-mê-ga—Đấng bày tỏ con đường mới cùng với con đường xưa.

Và ở giữa bảy chân đèn, có một Đấng giống như Con Người, mặc áo dài đến chân, thắt ngang ngực bằng một đai vàng. Đầu và tóc Ngài trắng như lông chiên, trắng như tuyết; mắt Ngài như ngọn lửa. Chân Ngài giống như đồng đánh bóng, dường như đã luyện trong lò; và tiếng Ngài như tiếng của nhiều dòng nước. Trong tay hữu Ngài có bảy ngôi sao; từ miệng Ngài ra một thanh gươm bén hai lưỡi; và dung mạo Ngài chói sáng như mặt trời chiếu sáng trong sức mạnh của nó. Khải Huyền 1:13-16.

Trong câu 12, Giảng quay lại và thấy một khải tượng về Đấng Christ, mà Bà White cho là trùng với khải tượng về Đấng Christ mà Đa-ni-ên đã thấy, cũng là khải tượng mà Ê-sai, Giê-rê-mi, Ê-xê-chi-ên và Phao-lô đã thấy.

Với niềm khao khát tha thiết, tôi trông đợi thời điểm khi những sự kiện trong ngày Lễ Ngũ Tuần sẽ được lặp lại với quyền năng còn lớn hơn cả khi ấy. Giảng nói: "Tôi thấy một thiên sứ khác từ trời xuống, có quyền năng lớn; và đất được chiếu sáng bởi vinh quang của người ấy." Bảy giờ, như vào dịp Lễ Ngũ Tuần, dân chúng sẽ nghe lẽ thật được nói với họ, mỗi người bằng tiếng riêng của mình.

“Đức Chúa Trời có thể hà hơi sự sống mới vào mọi linh hồn thật lòng ao ước phục vụ Ngài [A-đam và thung lũng xương khô của Ê-xê-chi-ên], và có thể chạm môi bằng một hòn than hồng lấy từ trên bàn thờ [Ê-sai], khiến họ trở nên hùng hồn trong sự ngợi khen Ngài. Hàng ngàn tiếng nói sẽ được ban quyền năng để rao truyền những lẽ thật kỳ diệu của Lời Đức Chúa Trời. Lưỡi ấp úng sẽ được tháo mở [“lưỡi khác” của Ê-sai], và kẻ nhút nhát sẽ được làm cho

mạnh mẽ để làm chứng cách can đảm cho lẽ thật. Nguyên Chúa giúp dân Ngài thanh tẩy đền thờ của linh hồn khỏi mọi ô uế [các Lê-vi của Ma-la-chi], và giữ mối liên hệ mật thiết với Ngài đến nỗi họ có thể dự phần vào mưa cuối mùa khi được đổ xuống.” Review and Herald, 20 tháng 7, 1886.

Khải tượng mà chúng ta đang xem xét bao gồm mô tả về tiếng phán của Đấng Christ. Khi Giảng quay lại và nghe tiếng phán của Đấng Christ, thì tiếng ấy như tiếng của “nhiều nước”. Khi tiếng phán của Đấng Christ nói về giao ước của Ngài với loài người hoặc với một dân được chọn, thì nó gắn liền với nhiều nước. Thông điệp của Đa-ni-ên đoạn 7 đến 9 đã được mở ấn vào năm 1798, và rồi, vào năm 1989, thông điệp của Đa-ni-ên đoạn 10 đến 12 đã được mở ấn. Năm 1798 tương ứng với tiếng của sông Ulai và năm 1989 là tiếng của sông Hiddekel.

"Ánh sáng mà Daniel nhận từ Đức Chúa Trời đã được ban đặc biệt cho những ngày sau rốt này. Những Khải tượng ông thấy bên bờ sông Ulai và Hiddekel, những con sông lớn của Shinar, hiện đang được ứng nghiệm, và mọi sự kiện đã được báo trước sẽ sớm xảy ra." Testimonies to Ministers, 112.

Sông Giô-đanh là mối liên kết giữa lịch sử giao ước Anpha và lịch sử giao ước Ômêga của Israel cổ đại. Từ 'Giô-đanh' nghĩa là 'người đi xuống' và tượng trưng cho Đấng Christ, 'Đấng đi xuống vĩ đại'.

Hãy để tâm trí này ở trong anh em, vốn cũng ở trong Đấng Christ Jêsus: Ngài, vốn có hình Đức Chúa Trời, không cho rằng sự ngang bằng với Đức Chúa Trời là điều phải nắm giữ; nhưng Ngài đã tự bỏ mình, mặc lấy hình dạng của một đầy tớ, trở nên giống như loài người; và khi đã hiện ra như một người, Ngài tự hạ mình, vâng phục cho đến chết, thậm chí chết trên thập tự giá. Phi-líp 2:5-9.

Sông Giô-đanh tượng trưng cho Đấng Christ, “Đấng giáng xuống vĩ đại”, và sông Giô-đanh là mối liên kết giữa lịch sử An-pha và Ô-mê-ga của dân được Đức Chúa Trời chọn, những người được giao một vườn nho để chăm giữ. Những làn nước giải cứu của Môi-se tượng trưng cho tiếng phán của Đấng Christ, có thể được nghe nếu một linh hồn chỉ chịu quay lại để nghe “tiếng ở phía sau mình”, và tiếng họ sẽ nghe khi ấy là tiếng của nhiều dòng nước. Từ trận đại hồng thủy thời Nô-ê đến sự hủy diệt Giê-ru-sa-lem vào năm 70 sau Công nguyên, những làn nước giải cứu được đặt ra như các cột mốc chỉ đường cho dân giao ước của Đức Chúa Trời. Những cột mốc ấy tượng trưng cho lịch sử nội tại của dân giao ước cuối cùng của Đức Chúa Trời, tức một trăm bốn mươi bốn nghìn. Nguồn nước cung cấp cho sông Giô-đanh bắt đầu từ sương móc và tuyết tích tụ trên dãy núi Hết-môn, nơi tạo thành đầu nguồn của sông Giô-đanh.

Bài ca đi lên của Đa-vít. Kìa, anh em cùng sống hiệp một, thật tốt lành và dễ chịu biết bao! Khác nào dầu thơm quý giá đổ trên đầu, chảy xuống râu, tức là râu của Aaron, chảy xuống tới gấu áo của người; Như sương Hermon, như sương rơi trên các núi Zion; vì tại đó Chúa truyền ban phước lành, tức là sự sống đời đời. Thi Thiên 133:1-3.

Những dòng nước ấy cũng tạo nên hang động của Pan, một hồ nước sâu, nằm trong một hang tọa lạc tại Panium của Daniel 11:13-15, và tại Caesarea Philippi vào thời của Phi-e-ro. Thượng nguồn sông Jordan cũng tạo nên hồ của Sa-tan trong hang động của Pan. Tiếng của nhiều dòng nước chỉ

ra rằng cuộc đại tranh chiến giữa Đấng Christ và Sa-tan bắt nguồn từ các đỉnh núi cao của dãy Hermon.

Và Ta cũng nói với người: người là Phê-rô; và trên tảng đá này Ta sẽ xây Hội Thánh của Ta; các cửa âm phủ sẽ không thắng nổi Hội Thánh ấy. Mát-thêu 16:18.

Tên "Hermon" có nghĩa là "thiên liêng, được hiến thánh, tận hiến, hoặc được biệt riêng", và là một biểu tượng của Thiên đàng, nguồn của mọi dòng nước và là khởi đầu của cuộc đại tranh chiến, được biểu thị bằng "các cửa âm phủ"—tên gọi mà Giê-su đã đặt cho hang động của thần Pan khi ở Caesarea Philippi. Trong bối cảnh đó, Simon Barjona được đổi tên thành Peter. Simon nghĩa là "người lắng nghe", và Barjona nghĩa là "con của chim bò câu". Simon là biểu tượng cho linh hồn đã nghe sứ điệp về phép báp-têm của Giê-su, điều được Đức Thánh Linh biểu hiện dưới hình dạng một con bò câu. Và người nghe sứ điệp về phép báp-têm của Đấng Christ được đổi thành Peter, đại diện cho 144,000. Peter đã được đóng ấn khi ở Panium, điều này tương ứng với các câu mười ba đến mười lăm của Daniel chương mười một.

Khởi từ nguồn nước của Hermon, sông Jordan—biểu tượng của Đấng Christ, Đấng hạ mình vĩ đại—kết thúc hành trình ở Biển Chết. Từ thiên đàng, nơi sương của sự sống khởi nguồn, Đấng Christ đã hạ mình xuống đến cái chết của thập giá, được tượng trưng bởi Biển Chết. Bờ Biển Chết là nơi đất liền lộ thiên thấp nhất trên trái đất. Sông Jordan cứ chảy xuống, xuống đến mực nước thấp nhất trên trái đất, như Đấng Christ đã hạ mình đến cái chết trên thập giá. Từ nước của sự sống đến nước của sự chết, sông Jordan tượng trưng cho sự hạ mình của Đấng Christ từ thiên đàng xuống thập giá.

Những chủ đề quan trọng của lời tiên tri Kinh Thánh gắn liền với nước, và lời tiên tri Kinh Thánh là tiếng của Đấng Christ, tiếng của nhiều dòng nước. Dâm phụ Babylon ngồi trên nhiều nước, và nước sông Euphrates bị làm khô cạn để dọn đường cho các vua từ phương đông, còn các thương nhân và các vua thì đứng ở đằng xa mà than khóc vì các tàu của Tarshish bị hủy diệt giữa biển khơi; và giao ước với sự chết mà những kẻ say sưa của Ephraim đã chấp nhận khi họ ẩn mình dưới sự dối trá bị vô hiệu bởi cơn lũ tràn ngập của luật Chủ nhật của Giáo hoàng.

Khi Bà White nhắc đến "những con sông lớn của Shinar", bà đang nói đến sông Tigris và sông Euphrates. Những con sông ấy bắt nguồn từ Vườn Ê-đen, nơi chúng là con sông thứ ba và thứ tư chảy ra từ Ê-đen.

Và tên của con sông thứ ba là Hiddekel: tức là sông chảy về phía đông A-si-ri. Và con sông thứ tư là Euphrates. Sáng Thế Ký 2:14.

Hiddekel chính là sông Tigris, và dĩ nhiên, sông Euphrates thì vẫn là sông Euphrates, dù các sử gia và thần học gia hiện đại không đồng ý. Họ khẳng định rằng Ulai không phải là một con sông lớn, mà chỉ là một kênh dẫn nước do con người xây dựng ở Ba Tư, chứ không phải ở Shinar. Chính những học giả đó cho rằng hai con sông đáng kể duy nhất gắn với Shinar là Tigris và Euphrates, còn nữ tiên tri thì nói rằng Ulai và Hiddekel là "các con sông lớn của Shinar."

Lời của nữ tiên tri về sứ điệp về nước đi ngược lại các chuyên gia hiện đại, cũng như các chuyên gia xưa—những người đã chống đối sứ điệp về nước của Nô-ê. Chúng ta được cho biết rằng hai

khải tượng được biểu trưng bởi hai con sông đang trong quá trình ứng nghiệm; vì thế, mọi điều được biểu thị trong hai Khải tượng ấy, được ban qua “hai con sông lớn của Shinar”, sẽ sớm xảy ra. Sứ điệp gắn với những con sông ấy là tiếng của Đấng Christ, vì tiếng Ngài như tiếng nhiều nước. Sông Tigris và Euphrates tiêu biểu cho một chủ đề tiên tri lớn, và lời chứng của chúng liên quan đến giao ước mà Môi-se alpha đã đưa ra, cũng là giao ước mà Đấng Christ omega đã xác nhận.

Trong lời tiên tri, sông Tigris tượng trưng cho A-si-ri, còn sông Euphrates tượng trưng cho Ba-by-lôn. Trong mỗi liên hệ này, hai quyền lực ấy được tiên tri Giê-rê-mi-a mô tả như những con sư tử, sẽ đưa trước hết vương quốc phương bắc, rồi đến vương quốc phương nam, vào cảnh lưu đày.

Y-sơ-ra-ên là một con chiên tản lạc; các sư tử đã xua đuổi nó: trước hết vua A-si-ri đã nuốt chửng nó; và sau cùng, Nê-bu-cát-nét-sa, vua Ba-by-lôn, đã bẻ gãy xương cốt nó. Giê-rê-mi 50:17.

Assyria và Babylon đều là kẻ thù phương bắc đối với cả hai vương quốc của Israel, và vì thế là hình bóng của vua phương bắc giả mạo - quyền lực giáo hoàng. Về cơ bản, cùng những truyền thống chính trị và tôn giáo giống nhau đã được thực thi bởi hai quyền lực vốn xuất phát từ cùng một bối cảnh văn hóa, nhưng cơ cấu chính trị của Assyria nhấn mạnh quyền lực nhà nước, còn Babylon thì nhấn mạnh quyền lực giáo hội, tuy rất giống nhau. La Mã ngoại giáo và La Mã giáo hoàng ở một số phương diện thì giống hệt, nhưng đầu vậy, La Mã ngoại giáo đại diện cho quyền lực nhà nước còn La Mã giáo hoàng đại diện cho quyền lực giáo hội. Assyria, trong mỗi liên hệ tiên tri với Babylon, là một vương quốc của quyền lực nhà nước; tiếp theo là Babylon, một quyền lực tương tự nhưng nhấn mạnh quyền lực giáo hội. Assyria tượng trưng cho La Mã ngoại giáo và Babylon tượng trưng cho La Mã giáo hoàng. Cả bốn quyền lực này đều chà đạp đền thánh và đạo binh của Đức Chúa Trời. Assyria gắn liền với sông Tigris và Babylon với sông Euphrates. Điều này phù hợp với việc sông Euphrates bị làm khô cạn trong sách Khải Huyền, để dọn đường cho các vua từ phương đông, như được tiêu biểu bởi việc Cyrus chuyển hướng dòng Euphrates để lật đổ Babylon. Babylon là Euphrates; Assyria là Tigris.

Trong lời tiên tri, vua phương bắc chinh phục thế giới trong thời kỳ khủng hoảng về luật ngày Chủ nhật và sau đó sụp đổ, nhưng sự chinh phục ấy thường được mô tả như một trận lụt áp đảo. Câu chuyện về vua phương bắc, như được đại diện bởi Assyria và Babylon, được tượng trưng bằng các con sông, vì câu chuyện được kể bởi tiếng của nhiều dòng nước.

Vùng đất giữa hai con sông được gọi là Mesopotamia, nghĩa là ‘vùng đất giữa hai con sông.’ Hai con sông ấy tượng trưng cho thế lực phương bắc mà Đức Chúa Trời dùng để sửa phạt dân bội đạo của Ngài bằng cách phân tán họ vào cảnh lưu đày. Một trong những phụ lưu của “tiếng của nhiều dòng nước” được thấy trong tên “Padanaram”, tên này chỉ được nhắc đến mười lần trong Kinh Thánh. Lần nhắc đầu tiên gắn với giao ước, vì nó xác định gốc gác huyết thống của Rebekah, vợ của Isaac. Câu Kinh Thánh chép:

Và Isaac được bốn mươi tuổi khi ông cưới Rebekah làm vợ, con gái của Bethuel, người Syria ở Padanaram, em gái của Laban, người Syria.

Sự kết thúc của bốn mươi năm đã được chỉ ra, qua ba nhân chứng của Môi-se, rằng nó dẫn đến Kadesh, năm 1863 và luật ngày Chủ nhật. Cuộc hôn nhân của Y-sác là một cuộc hôn nhân giao ước, tượng trưng cho cuộc hôn nhân của Đấng Christ với một trăm bốn mươi bốn nghìn tại thời điểm luật ngày Chủ nhật, tức là năm 1863, tức là Kadesh, tức là sự kết thúc của một lịch sử giao ước bốn mươi năm. Rê-bê-ca là con gái của một người Sy-ri và là chị của La-ban, một người Sy-ri, (người mà trong thế hệ kế tiếp của lịch sử giao ước, đã phá vỡ một giao ước với Gia-cốp, con trai của Y-sác.)

Bethuel có nghĩa là "nhà của sự hoang tàn" hoặc "kẻ gây hoang tàn", nên Rebekah là con gái của "nhà của kẻ gây hoang tàn". Syria có nghĩa là vùng đất cao và cao nguyên, còn Padanaram có nghĩa là Mesopotamia, tức vùng đất ở giữa. Rebekah xuất thân từ dòng dõi người Syria đến từ Mesopotamia, vùng đất cao giữa "the Tigris of Assyria" và "the Euphrates of Babylon", là những con sông tượng trưng cho những con sư tử mà Chúa dùng để làm tan lạc bầy chiên bội đạo của Ngài. Nhà của những kẻ gây hoang tàn đã được kết hiệp với nhà của Đức Chúa Trời trong cuộc hôn nhân của Isaac và Rebekah. Không phải tình cờ mà ngay trong lần đầu Padanaram được nhắc đến, hai con sông này—đại diện cho vị vua phương bắc trong lời tiên tri, người được mô tả như một trận lụt tràn ngập—cũng được nhắc đến lần đầu trong Genesis 25:20.

Mối liên hệ giữa nhà hoang tàn và dân giao ước của Đức Chúa Trời tiếp tục khi Gia-cốp chạy trốn khỏi Ê-sau, rồi đến nhà người cậu La-ban và ở đó làm việc trong hai thời kỳ, mỗi thời kỳ 2520 ngày, để giành lấy cuộc hôn nhân giao ước kế tiếp. Một cuộc hôn nhân kết thúc bằng sự tan lạc của vương quốc phía bắc của Y-sơ-ra-ên, và cuộc hôn nhân kia kết thúc bằng sự tan lạc của vương quốc phía nam. Khi các thời kỳ tan lạc tương ứng của hai vương quốc ấy chấm dứt vào các năm 1798 và 1844, cuộc hôn nhân mà Gia-cốp đã lao nhọc để hoàn thành qua hai thời kỳ 2520 ngày đã được làm trọn, khi chàng rể đến dự lễ cưới vào ngày 22 tháng 10 năm 1844.

Vậy Đấng Christ đã cưới Lê-a, nghĩa là "mệt mỏi và rã rời," hay Ngài đã cưới Ra-chên, nghĩa là "một người lữ hành giỏi"? Lê-a và Ra-chên tượng trưng cho hai hạng trinh nữ đang lữ hành, một trinh nữ "trở nên mệt mỏi" và một trinh nữ "đi đường tốt" trên hành trình tiến đến kết hôn với Gia-cốp vào ngày 22 tháng 10 năm 1844.

Họ có một ánh sáng rực rỡ được đặt phía sau họ ở đầu con đường, mà một thiên sứ nói với tôi rằng đó là 'tiếng kêu nửa đêm'. Ánh sáng ấy chiếu rọi suốt dọc con đường và soi bước chân họ, để họ không vấp ngã.

"Nếu họ giữ mắt mình chăm nhìn Chúa Giê-su, Đấng đang ở ngay trước mặt họ, dẫn họ đến thành, thì họ được an toàn. Nhưng chẳng bao lâu, một số người trở nên mệt mỏi và nói rằng thành còn rất xa, và họ đã tưởng rằng lẽ ra họ đã vào được trước đó. Bấy giờ Chúa Giê-su khích lệ họ bằng cách giơ cánh tay phải vinh hiển của Ngài lên, và từ cánh tay Ngài phát ra một luồng sáng chiếu rọi trên đoàn người Advent, và họ kêu lên: 'Ha-lê-lu-gia!' Những người khác thì vội vàng chối bỏ ánh sáng phía sau họ, và nói rằng chẳng phải Đức Chúa Trời đã dẫn họ đi xa đến thế. Ánh sáng phía sau họ tắt mất, để bước chân họ trong bóng tối hoàn toàn, và họ vấp ngã, không còn thấy mốc cũng như Chúa Giê-su nữa, và rơi khỏi con đường, tuột xuống thế gian tối tăm và gian ác bên dưới." Những Bài Viết Ban Đầu, 15.

Năm 1844, phong trào Millerite Phi-la-đen-phi đã bước vào lễ cưới. Lễ cưới ngày 22 tháng 10 năm 1844 đã phân tách hai nhóm người thờ phượng được đại diện bởi Ra-chên và Lê-a. Ra-chên đại diện cho một nhóm đã thành công đi trên con đường dẫn đến lễ cưới ngày 22 tháng 10 năm 1844, còn nhóm của Lê-a thì trở nên mỗi mệ. Sau đó họ bị tách ra và tiến trình thử thách của thiên sứ thứ ba bắt đầu, ngay nơi tiến trình thử thách của Tiếng Kêu Nửa Đêm đã kết thúc.

Hôn nhân đã khởi sự và sau đó sẽ được hoàn tất và được thử nghiệm. Cuộc hôn nhân đã được hoàn tất vào năm 1846, và tiến trình thử nghiệm của thiên sứ thứ ba bắt đầu. Vào các năm 1849 và 1850, Chúa dang tay lần thứ hai để quy tụ những người còn sót lại của Ngài. Bảng thứ hai của Habakkuk khi ấy được đưa vào lịch sử, như được tiêu biểu bởi bộ Điều Răn thứ hai. Sau khi Moses làm vỡ bộ thứ nhất, bộ bảng thứ hai được ban ra. Biểu đồ 1850 thay thế biểu đồ 1843, và vào năm 1850, sự thử nghiệm đối với Israel cổ đại như tân nương của giao ước mới của Đức Chúa Trời tiếp tục hướng về Kadesh và năm 1863.

Năm 1856, nhiều nước hơn từ hai con sông đã chảy qua ngòi bút của Hiram Edson. Ánh sáng về "bảy lần" đến qua bút tích của Edson chính là ánh sáng được hai con sông tượng trưng, những con sông đã khởi đầu lời chứng tiên tri của mình tại Vườn Ê-đen. Vườn Ê-đen là biểu tượng cho sự phản nghịch của loài người chống lại luật pháp của Đức Chúa Trời, và cũng là nơi nước của sông Ulai và sông Hiddekel bắt đầu hành trình của mình. Chúng chảy xuyên suốt lịch sử giao ước, vì khu vườn ấy, biểu tượng của sự phản nghịch, cũng là nơi một con chiên đã bị giết để ban y phục thay thế những chiếc lá vả mà A-đam và Ê-va đã mặc. Lịch sử giao ước khởi đầu với giao ước sự sống giữa A-đam và Đức Chúa Trời. Giao ước ấy, được biểu tượng bởi cây sự sống, rồi đã bị A-đam và Ê-va bội ước, qua đó khởi đầu một giao ước sự sống mới, khi Chiên Con đã bị giết từ buổi sáng thế ban y phục cho cặp đôi trần trụi và lạc mất. Hai con sông chảy ra từ khu vườn ấy rồi cuộc trở thành những biểu tượng cho các quyền lực mà Đức Chúa Trời sử dụng như cây gậy sửa phạt của Ngài.

Hỡi A-si-ri, cây gậy của con thịnh nộ Ta; cây trượng trong tay nó là con phần nộ của Ta. Ta sẽ sai nó chống lại một dân giả hình, và chống lại dân của con thịnh nộ Ta, Ta sẽ giao cho nó mệnh lệnh: để cướp lấy chiến lợi phẩm, để bắt lấy môi, và để giày đạp họ như bùn nơi đường phố. Ê-sai 10:5, 6.

Hai con sông ấy chảy ra khỏi Ê-đen, đi vào dòng dõi của Rê-bê-ca và cuộc hôn nhân giao ước của bà với Y-sác, rồi tiếp đến Gia-cốp, nơi nước của hai con sông được biểu trưng thành hai giai đoạn riêng biệt, mỗi giai đoạn gồm bảy kỳ. Rồi, chính hai con sông ấy chảy xuyên qua sáu chương cuối của Đa-ni-ên, trong đó mỗi con sông tương ứng với ba chương. Một con sông tượng trưng cho sự gia tăng hiểu biết đã được mở ấn trong các chương bảy, tám và chín, còn con sông kia tượng trưng cho sự gia tăng hiểu biết đã được mở ấn trong các chương mười, mười một và mười hai.

Các chương bảy, tám và chín được trình bày như một thị kiến về sông Ulai, và Đấng Christ được khắc họa theo cách tương tự trong các chương mười, mười một và mười hai. Trong cả hai thị kiến về sông—mỗi thị kiến được trình bày qua ba chương—Đấng Christ được mô tả là đứng trên mặt nước.

Và đã xảy ra rằng, khi tôi, chính tôi là Daniel, đã thấy Khải tượng và tìm hiểu ý nghĩa, thì kia, trước mặt tôi có một hình dáng như một người đang đứng. Tôi nghe một giọng người ở giữa hai bờ sông Ulai gọi và nói: “Gabriel, hãy làm cho người này hiểu Khải tượng.” Daniel 8:15, 16.

Khải tượng về Chúa Kitô trong chương mười tương tự với Khải tượng mà Gioan đã chứng kiến trong Khải Huyền chương một, và trong Khải tượng của Đa-ni-ên ở chương tám, Palmioni ở trên mặt nước, như Ngài ở trong chương mười hai, nơi Ngài mặc vải gai.

Khi thiên sứ Ga-bri-ên đến thăm, nhà tiên tri Đa-ni-ên chưa thể nhận thêm sự chỉ dạy; nhưng vài năm sau, khao khát biết thêm về những điều vẫn chưa được giải thích trọn vẹn, ông lại dốc lòng tìm kiếm ánh sáng và sự khôn ngoan từ Đức Chúa Trời. "Trong những ngày ấy, tôi, Đa-ni-ên, chịu tang suốt ba tuần lễ trọn. Tôi không ăn bánh ngon, thịt và rượu chẳng vào miệng tôi, cũng không xúc dầu gì cả.... Bấy giờ tôi ngược mắt lên, nhìn xem, kia có một người mặc vải gai, lưng thắt đai bằng vàng ròng của U-pha. Thân thể người cũng như bích ngọc, mặt người như ánh chớp, mắt người như đèn lửa, tay và chân người có màu như đồng đánh bóng, và tiếng nói của người như tiếng của một đoàn dân đông đảo."

“Không ai khác hơn là Con Đức Chúa Trời đã hiện ra với Đa-ni-ên. Sự mô tả này tương tự như điều Giăng đã thuật lại khi Đấng Christ được tỏ ra cho ông trên đảo Pat-mô. Chúa chúng ta nay đến cùng với một vị thiên sứ khác để dạy Đa-ni-ên biết điều gì sẽ xảy ra trong những ngày sau rốt. Sự hiểu biết này đã được ban cho Đa-ni-ên và được ghi lại bởi sự cảm thúc để dành cho chúng ta, là những người mà sự tận cùng của thế gian đã đến.” Review and Herald, ngày 8 tháng 2, 1881.

Trong Khải tượng Hiddekel về Đấng Christ ở chương mười, Đấng Christ đứng trên mặt nước và mặc áo vải lanh; và trong Khải tượng Ulai, Ngài cũng ở trên mặt nước. Khải tượng ở Khải Huyền chương một tương hợp với điều được bày tỏ trong các Khải tượng Ulai và Hiddekel, nơi Bà White xác định rằng đó là "không phải ai khác ngoài Con Đức Chúa Trời." Khi bà xác định thiên sứ trong Khải Huyền mười, bà nói thiên sứ ấy "không phải ai khác ngoài Chúa Giê-su Christ." Thiên sứ trong Khải Huyền mười giơ tay lên trời và thề bởi Đấng hằng sống đời đời; điều này liên hệ với Khải tượng về Đấng Christ ở chương mười hai, Đấng giơ cả hai tay lên trời và thề bởi Đấng hằng sống đời đời. Trong Khải Huyền mười, Ngài đứng trên cả mặt nước và đất.

Giữa hai bờ của một con sông là nước, và Daniel đã nghe “tiếng một người đàn ông ở giữa hai bờ”, nên tiếng ấy phát ra từ người ở trên mặt nước, và tiếng ấy là âm thanh của nước sông Ulai.

Và vào ngày thứ hai mươi bốn của tháng thứ nhất, khi tôi ở bên bờ con sông lớn, tên là Hiddekel; bấy giờ tôi ngược mắt lên, nhìn, và kia

Một người nọ mặc vải lanh, thắt lưng bằng vàng ròng của Uphaz; thân thể người cũng giống như bích ngọc, mặt như ánh chớp, mắt như những ngọn đuốc lửa, cánh tay và chân như màu đồng đánh bóng, và tiếng nói của người như tiếng của một đám đông. ...

Nhưng người, hỡi Đa-ni-ên, hãy giữ kín những lời này và niêm phong cuốn sách cho đến kỳ cuối cùng; nhiều người sẽ chạy ngược chạy xuôi, và sự hiểu biết sẽ gia tăng. Bấy giờ tôi, Đa-ni-ên, nhìn lên, và kia, có hai người khác đứng đó: một người ở bờ sông bên này, và người

kia ở bờ sông bên kia. Một người nói với người mặc áo vải gai, đang ở trên mặt nước của con sông: Đến bao giờ thì những điều kỳ diệu này mới chấm dứt? Tôi nghe người mặc áo vải gai, đang ở trên mặt nước sông, giơ tay phải và tay trái lên trời, và thề bởi Đấng hằng sống đời đời rằng sẽ là một thời, các thời, và nửa thời; và khi đã làm tan tác quyền lực của dân thánh, thì mọi điều ấy sẽ được hoàn tất.

Tôi đã nghe, nhưng không hiểu; bây giờ tôi nói: Lạy Chúa tôi, chung cuộc những điều ấy sẽ ra sao? Ngài phán: Hỡi Đa-ni-ên, hãy đi đường mình; vì những lời này đã được đóng lại và niêm phong cho đến kỳ cuối cùng. Nhiều người sẽ được làm cho tinh sạch, nên trắng và được thử luyện; nhưng kẻ ác cứ làm ác; chẳng có kẻ ác nào hiểu, nhưng người khôn ngoan sẽ hiểu.
Đa-ni-ên 10:4-6; 12:4-10.

Những con sông lớn của Sinear, như Bà White xác định, đều gắn với một khái tượng nơi Đấng Christ ở trên mặt nước mà phán, vì tiếng Ngài như tiếng của nhiều dòng nước. Trong cả hai khái tượng, câu hỏi “bao lâu” được đặt ra. Cả hai con sông cũng được thể hiện trong phần “hỏi và đáp” của Đa-ni-ên chương tám, vốn là trụ cột trung tâm và nền tảng của Phục Lâm. Ở đó, hai con sông là biểu tượng của “bảy lần” tán lạc và chà đạp cả đền thánh lẫn đạo binh. Hai con sông hoàn thành vai trò như roi sửa phạt của Đức Chúa Trời, rồi sau đó chảy vào lịch sử Millerite của thiên sứ thứ nhất, nơi William Miller khám phá viên ngọc tiên tri đầu tiên của ông, đó là dòng “bảy lần” trong Lê-vi Ký hai mươi sáu. Hai con sông tượng trưng cho hai cuộc tán lạc 2520 năm, được thực hiện bởi hai sư tử của A-si-ri và Ba-by-lôn, vốn được đại diện bởi sông Tigris và Euphrates, và dĩ nhiên bởi Lê-a và Ra-chên, cháu gái của Rê-bê-ca; cuộc hôn nhân giao ước của Rê-bê-ca diễn ra khi Y-sác bốn mươi tuổi, như được chép trong Sáng-thế Ký 2520.

Miller chỉ trình bày sự tán lạc của “bảy thời” giáng trên vương quốc miền nam Giu-đa, điều đã được ứng nghiệm cùng với lời tiên tri 2300 năm vào năm 1844. Năm 1856, “rượu mới” của “bảy thời” xác định cùng sự tán lạc ấy giáng trên vương quốc miền bắc, kết thúc vào năm 1798. Là khám phá tiên tri đầu tiên của William Miller, nước của sông Euphrates xuất hiện như giáo lý alpha trong lịch sử của thiên sứ thứ nhất. Nước của sông Ulai xuất hiện cùng với thiên sứ thứ ba. Khám phá alpha của Miller là “bảy thời” được biểu trưng bởi sông Ulai, và khám phá omega của Hiram Edson là “bảy thời” được biểu trưng bởi sông Hiddekel.

Con số 2520 biểu thị độ dài của một thời kỳ giống nhau cho mỗi vương quốc, nhưng thời kỳ ấy bắt đầu và kết thúc cách nhau bốn mươi sáu năm. Năm 1798 đánh dấu thời kỳ cuối cùng và sự xuất hiện của thiên sứ thứ nhất trong Khải Huyền 14. Năm 1798 là sự ứng nghiệm của 2520 năm tán lạc giáng trên vương quốc miền bắc bởi sư tử của A-si-ri. Năm 1844 là sự ứng nghiệm của “bảy lần” giáng trên vương quốc miền nam và được tượng trưng bởi sư tử của Ba-by-lôn. Hai con sông làm mốc đầu và cuối cho lịch sử các sứ điệp của thiên sứ thứ nhất và thứ hai; lịch sử ấy kết thúc bằng sự xuất hiện của thiên sứ thứ ba vào ngày 22 tháng 10 năm 1844, khi cả kèn thứ bảy lẫn kèn Năm Hân Hỉ đều được thổi trong Ngày Lễ Chuộc Tội đối hình.

Bây giờ người hãy cho vang tiếng kèn của Năm Hồng Ân vào ngày mùng mười của tháng thứ bảy; trong Ngày Lễ Chuộc Tội, các người hãy làm cho tiếng kèn vang khắp cả xứ của các người. Lê-vi Ký 25:9.

Tiếng kèn thứ bảy vang lên là biểu tượng cho công việc của Đấng Christ trong việc kết hiệp Thần tính của Ngài với nhân tính, và được biểu trưng bởi 2300 năm của khái tượng tại sông Ulai; còn tiếng kèn Năm Hân Hi vang lên là biểu tượng cho giao ước về xứ đã bị phá vỡ và giáng trên dân của Đức Chúa Trời, điều mà Đa-ni-ên gọi là sự rửa và lời thề của Môi-se, và Môi-se gọi là "sự tranh tụng của giao ước Đức Chúa Trời".

Phải, cả Y-sơ-ra-ên đều đã phạm luật pháp của Ngài, đã quay lưng lia bỏ, không vâng theo tiếng Ngài; vì vậy sự rửa sả đã đổ trên chúng con, và lời thề đã chép trong luật pháp của Môi-se, tội tớ của Đức Chúa Trời, vì chúng con đã phạm tội cùng Ngài. Đa-ni-ên 9:11.

“Lời nguyện” và “lời thề” được nói đến “trong luật pháp của Moses” chính là “bảy lần” của Leviticus hai mươi sáu. Từ được dịch là “lời thề” là cùng một từ tiếng Hê-bơ-rơ mà trong Leviticus được dịch là “bảy lần”. Lời nguyện, vì vi phạm lời thề của giao ước trong chương hai mươi lăm, được nêu ra trong chương hai mươi sáu, nơi Moses gọi lời nguyện ấy là “sự tranh chấp của giao ước”.

Vậy Ta cũng sẽ nghịch lại các ngươi và sẽ phạt các ngươi thêm bảy lần vì tội lỗi của các ngươi. Ta sẽ đem gươm đến trên các ngươi để báo thù việc phá vỡ giao ước của Ta; và khi các ngươi nhóm lại trong các thành của mình, Ta sẽ sai dịch bệnh ở giữa các ngươi; và các ngươi sẽ bị phó vào tay kẻ thù. Lê-vi Ký 26:24, 25.

Chúa đã giáng thanh gươm của sự tử Assyria trên vương quốc phía bắc để "trừng phạt" họ bằng cách trao họ vào "tay kẻ thù", vào năm 723 TCN. Bốn mươi sáu năm sau, vào năm 677 TCN, vương quốc phía nam chịu lấy lời rửa của Moses. Lời rửa của Moses là cuộc tranh cãi của giao ước. Suốt bốn mươi sáu năm, những con sự tử của Mesopotamia đã được Chúa dùng để loại bỏ và giày đạp đạo binh. Cuối khoảng thời gian bốn mươi sáu năm ấy, Nebuchadnezzar đã phá hủy đền thánh. Đạo binh trong câu hỏi của Daniel ở câu mười ba của Daniel đoạn tám đã bị kẻ thù bắt làm nô lệ trong một giai đoạn bốn mươi sáu năm, kết thúc bằng sự hủy phá đền thánh, vốn là điều còn lại cũng sẽ bị giày đạp trong câu mười ba. Khi những dòng sông ấy đạt đến các mốc 1798 và 1844, lần lượt, một đạo binh đã được nhóm lại như một đền thờ, vì đạo binh là một thân thể, và thân thể là một đền thờ. Cuối giai đoạn đó, đền thờ được dựng nên suốt bốn mươi sáu năm sẽ hiệp với đền thờ trên trời trong cuộc hôn phối giữa thần tính và nhân tính. Hôn nhân là giữa hai đền thờ, và điều gì Đức Chúa Trời đã kết hiệp thì chớ phân rẽ.

Nước của sông Tigris đến mốc năm 1798 và nước của sông Euphrates đến mốc năm 1844. Ngay trước khi thiên sứ thứ ba xuất hiện, thiên sứ thứ hai đã xuất hiện, và sau đó, tại hội trại ở Exeter, New Hampshire từ ngày 12-17 tháng 8 năm 1844, sứ điệp Tiếng Kêu Nửa Đêm đã được tuôn đổ. Exeter có nghĩa là “một pháo đài nước”, và tại hội trại đó, có một buổi nhóm giả mạo được tổ chức trong một chiếc lều khác, do một nhóm từ Watertown, Massachusetts dựng lên. Theo Bà White, những dòng nước bắt nguồn từ Ê-đen sắp được lan tỏa như “một cơn sóng thần” khắp dải bờ biển phía Đông của Hoa Kỳ. Trận động đất khởi phát cơn sóng thần ấy đã xảy ra trong Vườn Ê-đen khi Sa-tan chinh phục loài người, gây nên một biến động địa chấn ở Ê-đen mà các làn sóng của nó vươn tới Tiếng Kêu Nửa Đêm trong lịch sử Millerite. Cơn sóng thần ấy tràn vào Tiếng Kêu Nửa Đêm trong lịch sử của một trăm bốn mươi bốn nghìn, và làn sóng khởi đầu từ trận động đất do tội lỗi của A-đam vươn tới trận động đất của luật ngày Chủ nhật trong Khải Huyền chương mười một.

Tiếng của Chúa Kitô là tiếng của nhiều dòng nước, và các dòng nước hợp lại làm nên sứ điệp của mưa cuối mùa. Trong câu ba của chương bảy, Isaiah và con trai ông, Shearjashub, đang đứng tại hồ thuộc ông dẫn nước phía trên, trình bày sứ điệp mưa cuối mùa vào thời kỳ đóng ấn của một trăm bốn mươi bốn nghìn. Tại đó, lời tuyên bố của Isaiah đối với vị vua Ahaz ngu muội và gian ác là rằng Chúa sẽ sai đến trên Ahaz những dòng nước của Assyria, tức vua Sennacherib, và nước ấy sẽ dâng lên tới cổ.

Đức Chúa lại phán với tôi rằng: Vì dân này khước từ nước Si-lô-ê chảy êm ả, mà lại vui mừng vì Rê-xin và con trai của Rê-ma-li-a; nên bây giờ, kìa, Chúa sẽ khiến nước sông dâng lên trên họ, mạnh mẽ và dồi dào—tức là vua A-si-ri cùng với tất cả vinh quang của người; dòng nước ấy sẽ tràn lên trên mọi nhánh của nó và vượt qua mọi bờ bãi của nó. Nó sẽ đi qua Giu-đa; sẽ ngập lụt và tràn qua, sẽ dâng lên đến tận cổ; và đôi cánh nó dang rộng sẽ phủ đầy bề rộng xứ người, hỡi Immanuel. Ê-sai 8:5-8.

Ahaz đã từ chối những dòng nước được Chúa 'sai' đến, nên Chúa đã 'sai' các dòng nước của Assyria đến với Ahaz. Ahaz "vui mừng" trong liên minh của "Rezin và con trai của Remaliah." Ahaz "vui mừng" trong một thông điệp mưa muộn giả mạo được đại diện bởi Rezin và con trai của Remaliah.

Rezin và con trai của Remaliah, tức Pekah, vua của vương quốc phía bắc, tượng trưng cho một sự giả mạo của Isaiah và con trai ông. Vua Ahaz ngu muội và gian ác “vui mừng” trong liên minh được tượng trưng bởi mười chi phái phía bắc của Israel và Syria, tiêu biểu cho mối quan hệ bất hợp pháp giữa giáo hội và nhà nước vào thời điểm luật Chủ nhật. Ahaz vui mừng, vì xấu hổ và vui mừng là hai cảm xúc đối nghịch được cảm hứng sử dụng để nói với những người được đại diện trong cuộc tranh luận về mưa cuối mùa. Khi Jeremiah ăn quyển sách nhỏ, đó là niềm vui và sự hoan hỉ của lòng ông, và Joel cho biết dân của Đức Chúa Trời sẽ chẳng bao giờ hổ thẹn. Ahaz, như một người Laodicea, thì mù lòa, nên ông đang vui mừng trong sứ điệp về nước giả và khước từ sứ điệp về nước chân thật của Isaiah. Lẽ ra ông phải hổ thẹn vì đã tin cậy vào sứ điệp mưa cuối mùa giả mạo được tượng trưng bởi trận lụt của vua phương bắc, nhưng ông đã khước từ sứ điệp của Shiloah.

Thông điệp của Shiloah trong Ê-sai chương tám là thông điệp của mưa rào cuối mùa. Hồ Shiloah được gọi trong Tân Ước là hồ Siloam. Trong tiếng Hê-bơ-rơ hoặc Hy Lạp, nó có nghĩa là “được sai đi.” Điều đó là ích lợi để Đấng Christ rời đi để Ngài có thể “sai” Đức Thánh Linh. Ê-sai và Ahaz ở bên hồ Shiloah, và cuộc thử thách dựa trên việc liệu có đặt đức tin nơi hồ Shiloah như được đại diện bởi Ê-sai và con trai ông, hay đặt đức tin nơi Rezin và con trai của Remaliah? Ahaz đang chọn giữa hai dòng nước, nước của Shiloah hoặc nước của vua Assyria. Ahaz vui mừng trong liên minh và thông điệp được đại diện bởi Rezin và con trai của Remaliah, và vì vậy ông nhận lấy trận lụt tàn phá, thay vì dòng nước chảy êm dịu khi ông bị phán xét. Sự phán xét của ông tượng trưng cho luật ngày Chủ nhật, khi vua phương bắc tràn ngập cả thế giới như một trận lụt. Điều đó diễn ra từ thời điểm luật ngày Chủ nhật trở đi, khi trận lụt của Tiếng Kêu Nửa Đêm cũng đang quét khắp thế giới.

Ahaz vui mừng về liên minh giữa mười chi phái miền Bắc và Syria, và do đó vui mừng trước sứ điệp kết hợp giáo hội với nhà nước, như được minh họa bởi mọi liên minh trái phép trong Lời Đức

Chúa Trời. Ê-sai tiêu biểu cho người Phi-la-đê-ni, còn Ahaz cho người Lao-đi-xê. Đấng Christ gắn kết lời chứng của Ê-sai với chính lời chứng của Ngài khi Ngài chữa lành người mù, một người Lao-đi-xê, tại hồ Si-lô-ác.

Khi Chúa Giê-su đi ngang qua, Ngài thấy một người mù từ khi mới sinh. Các môn đệ của Ngài hỏi rằng: “Thưa Thầy, ai đã phạm tội, người này hay cha mẹ người, mà người ấy sinh ra đã mù?”

Giê-xu đáp: Người này không phạm tội, cha mẹ người cũng không; nhưng để các công việc của Đức Chúa Trời được bày tỏ nơi người. Ta phải làm những việc của Đấng đã sai ta, khi còn ban ngày; đêm đến, lúc chẳng ai có thể làm việc. Bao lâu ta còn ở trong thế gian, ta là ánh sáng của thế gian. Khi Ngài nói như vậy xong, Ngài nhổ xuống đất, trộn nước bọt thành bùn, rồi bôi bùn ấy lên mắt người mù, và bảo người: Hãy đi rửa ở hồ Si-lô-ác (nghĩa là: Được sai đi). Vậy người đi, rửa, rồi trở lại thấy được.

Vì vậy những người láng giềng, và những người trước kia đã thấy ông ấy mù, nói: Há chẳng phải người này là kẻ ngồi ăn xin sao? Có người nói: Chính là ông ấy; kẻ khác nói: Trông giống ông ấy thôi; nhưng ông ấy nói: Chính tôi đây. Vậy họ hỏi ông: Mắt ông đã được mở ra thế nào?

Người ấy đáp rằng: Một người tên là Giê-su đã trộn bùn, thoa mắt tôi, và bảo tôi: Hãy đến ao Si-lô-ê mà rửa; tôi bèn đi, rửa, và được sáng mắt. Giảng 9:1-11.

Người mù cùng với vua Ahaz ngu dại và gian ác được thử xem có đặt lòng tin nơi hồ Siloam hay nơi con lũ của Assyria. Người mù biết mình mù, nhưng Ahaz thì giàu có, dư dật của cải và chẳng thiếu thốn gì. Ahaz là trinh nữ dại bên hồ của mưa cuối mùa, còn người mù là trinh nữ khôn ngoan. Những dòng nước được sai đi, hoặc những dòng nước được sai từ Assyria, là phép thử.

Một hồ là nơi nước tụ lại, và theo nghĩa tiên tri, một hồ là nơi các dòng suối, sông, rạch, biển, đại dương, hồ, mưa và sương — tức mọi “nguồn nước” tượng trưng cho tiếng nói của Đấng Christ — được quy tụ. Hồ của mưa cuối mùa được hình thành bởi nước chảy từ hồ ở phía trên. Hồ tượng trưng cho sứ điệp của mưa cuối mùa trong bối cảnh của một sự thử thách. Ahaz đã khước từ những dòng nước chảy êm dịu, nhưng người mù thì vâng phục sứ điệp gắn liền với hồ. Chúa Giê-su lấy một phần Thần Tính của Ngài, được tượng trưng là “nước bọt”, và kết hợp nó với đất sét, tượng trưng cho sự kết hợp giữa Thần Tính với nhân tính mà Đấng Christ thực hiện tại Nơi Chí Thánh.

Đức Kitô nhổ nước miếng xuống đất và trộn nước miếng của Ngài với đất thành bùn. Ngài dùng sứ điệp về sự kết hợp giữa Thần tính và nhân tính để xúc lên mắt người mù. Sứ điệp được biểu trưng bởi sự kết hợp giữa Thần tính và nhân tính chính là sứ điệp năm 1888, và nó nhằm biến đổi một người từ tình trạng của Laodicea sang tình trạng của Philadelphia. Nhưng sứ điệp ấy đòi hỏi sự tham gia của con người. Họ phải đến hồ, rồi rửa.

Mọi người đều đã phạm tội và thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, nhưng Đức Chúa Giê-su nói rằng người mù kia và cha mẹ ông không phạm tội. Đức Chúa Giê-su loại bỏ câu hỏi đổ lỗi khỏi tình trạng của người mù, và xác định ông là một người được đẩy lên để làm vinh hiển Chúa; còn trong lời tiên tri Kinh Thánh, những người được đẩy lên với mục đích để “các công việc của Đức Chúa Trời được bày tỏ” chính là tiêu kỳ, gồm những người nam và nữ đã chuyển từ Laodicea sang

Philadelphia. Tiêu kỳ là nơi các công việc của Đức Chúa Trời được bày tỏ, vì công việc của Ngài là hiệp thân tính với nhân tính (được tượng trưng bằng thuốc xức bằng bùn), và thành quả của công việc ấy là những người không chỉ nghe sứ điệp Laodicea mà còn làm theo đơn thuốc trong sứ điệp. Đơn thuốc cho người mù là hãy đi và rửa. Khi đã thấy được, ông không cần phải cố gắng tôn vinh Đức Chúa Trời; các hoàn cảnh chung quanh ông đã khiến điều đó xảy ra.

Khởi đầu là sự đến gần của Đấng Christ, tiếp theo là công việc của Ngài. Công việc sau cùng của Đấng Christ trong đền thánh trên trời đối với loài người là biến đổi con người khỏi thung lũng xương khô, hoặc khỏi cảnh chết nơi đường phố, hoặc khỏi sự mù như dơi. Công việc sau cùng của Ngài là tái tạo dân Ngài theo hình ảnh của Ngài, và đó chính là việc Ngài đã làm khi dựng nên A-đam từ bụi đất, rồi hà hơi sự sống vào ông. Công việc sau cùng cũng là công việc đầu tiên, vì trước hết Ngài nắn đất sét rồi ban cho đất sét ấy sự sống của Thánh Linh Ngài. Với A-đam, Thánh Linh là hơi thở của Ngài; với người mù, đó là nước. Còn với thung lũng xương khô của Ê-xê-chi-ên, đó là một sứ điệp quy tụ tạo nên thân thể. Rồi một sứ điệp của bốn phương gió được hà hơi vào thân thể ấy, và nó đứng dậy như một đạo quân hùng mạnh.

Khi người mù vẫn còn mù, Chúa Giê-su thấy ông và tiến lại gần. Ngài đến với người mù trong bối cảnh một câu hỏi do các môn đồ của Ngài nêu ra, qua đó cho phép Ngài thiết lập bối cảnh tiên tri thích hợp cho sự minh họa này. “Các công việc của Đức Chúa Trời” là một biểu tượng tiên tri trên nhiều mạch lời chứng khác nhau trong Kinh Thánh. Mọi sự bày tỏ của “các công việc của Đức Chúa Trời” trong Kinh Thánh đều được ứng nghiệm vào thời kỳ mưa cuối mùa. Chúa Giê-su đang đặt bối cảnh của câu chuyện trong khuôn khổ sứ điệp cuối cùng, được biểu trưng bởi Ê-li trong những câu cuối của sách Ma-la-chi.

Cha mẹ và đứa trẻ mù không bị kết tội là tội nhân, vì đây là thời kỳ những việc lạ lùng của Đức Chúa Trời; và trong thời kỳ ấy, lòng của cha mẹ và lòng của con cái sẽ được quay lại để thấy vấn đề trước mắt. Vấn đề là—liệu người La-ô-đi-xê mù có được biến đổi trở thành một người Phi-la-đen-phi được xức dầu hay không. Đó là vấn đề đối diện với cha mẹ và đứa trẻ trong thời kỳ mưa muộn, vì đó cũng là thời kỳ phán xét. Và thời kỳ phán xét được thi hành trong đời thứ ba và thứ tư theo lời tiên tri về giao ước của Áp-ra-ham. Người mù là thế hệ sau cùng, tức đời thứ tư; còn cha mẹ của người ấy là đời thứ ba. Trong thời kỳ đó, sứ điệp Ê-li đặt các gia đình vào hoàn cảnh buộc họ phải chấp nhận hoặc khước từ sứ điệp về hồ Si-lô-am. Vua A-cha ngu dại và gian ác đã khước từ sứ điệp của hồ ấy, nhưng người mù thì đã chấp nhận. Sứ điệp Ê-li trong Ma-la-chi được đặt trong bối cảnh của một lời rửa sả trước ngày lớn và đáng sợ của Chúa.

Khi Đức Chúa Jêsus sắp đặt bối cảnh mà chúng ta đang xem xét, Ngài đã nêu trong phần tóm tắt về mục đích của phép lạ rằng Ngài phải làm việc ngay lúc ấy, vì sẽ đến lúc chẳng ai có thể làm việc được. Công việc mà Ngài nói đến diễn ra vào ban ngày, và sự kết thúc của công việc được ví như ban đêm. Ở đây Ngài ám chỉ đến sự kết thúc thời kỳ ân điển.

Khi Ngài hoàn tất công việc phán xét của mình, Ngài cởi bỏ y phục thầy tế lễ và khoác áo báo thù. Khi Ngài hoàn tất công việc phân rẽ kẻ hư mất khỏi người được cứu, công cuộc cứu rỗi chấm dứt. Cửa ân điển đóng lại, và bây giờ là đêm tối, khi không ai có thể làm việc. Sứ điệp của Đấng Christ không chỉ là sứ điệp La-ô-đi-xê gửi đến người mù lòa, nhưng còn là sứ điệp Ê-li, được đặt

trong bối cảnh sự gần kề của việc kết thúc thời kỳ ân điển; đó là động lực thánh khiết thúc đẩy Đấng Christ lao tác cho việc cứu rỗi các linh hồn.

Trước hết, Đấng Christ đến gần người mù, rồi chuẩn bị và xúc thuốc mỡ, sau đó đưa ra chỉ dẫn cho một việc mà người mù phải tự mình làm, và điều quan trọng không kém là khi ông bắt tay vào việc, thị lực của ông được phục hồi. Khi đã có thị lực, ông đã được biến đổi từ một người La-ô-đi-xê mù lòa thành một người Phi-la-đen-phi. Thời kỳ biến đổi của hai hội thánh ấy đã được hoàn tất vào buổi đầu, từ năm 1856 đến năm 1863.

Thời kỳ đó tượng trưng cho sự phân tách giữa lúa mì và cỏ lùng, và sự đóng ấn cuối cùng cho một trăm bốn mươi bốn nghìn, là những người sau đó được giương lên như một lá cờ hiệu. Người mù lập tức trở thành tâm điểm của công chúng—ngay khi ông chuyển từ một người La-ô-đi-xê thành một người Phi-la-đê-phi. Người mù là một trăm bốn mươi bốn nghìn; còn vua Ahaz gian ác và ngu muội là dân giao ước trước kia, những kẻ bị mưa ra khỏi miệng của Chúa. Vào cùng thời điểm lịch sử đó, Chúa Giê-su hoặc đang dùng nước bọt của Ngài để xúc cho dân giao ước mới của Ngài, hoặc Ngài đang nhổ dân giao ước cũ ra khỏi miệng Ngài.

Chúng tôi sẽ tiếp tục mạch suy nghĩ này trong bài viết tiếp theo.

Cuộc khủng hoảng sắp tới

Với độ chính xác không hề sai lầm, Đấng Vô Cùng lưu giữ hồ sơ về mọi dân tộc. Bao lâu lòng thương xót của Ngài còn được ban ra cùng với những lời kêu gọi ăn năn, hồ sơ này sẽ còn mở; nhưng khi đạt đến một giới hạn nhất định mà Đức Chúa Trời đã ấn định, sự thi hành cơn thịnh nộ của Ngài bắt đầu. Bây giờ hồ sơ ấy được đóng lại; sự nhẫn nại của Đức Chúa Trời chấm dứt; không còn lời khẩn cầu xin thương xót nào thay cho họ nữa.

Vị tiên tri, khi nhìn xuyên qua các thời đại, thấy thời đại của chúng ta hiện ra trước mắt. Các dân tộc của thời đại này đã nhận được những ân huệ chưa từng có. Những phước lành quý báu nhất của Trời đã được ban cho họ; nhưng sự kiêu ngạo gia tăng, lòng tham lam, thờ hình tượng, coi thường Đức Chúa Trời, và sự vô ơn đê tiện đã được ghi lại chống lại họ. Họ đang nhanh chóng khép lại sổ sách của mình trước mặt Đức Chúa Trời.

Những ngày đang nhanh chóng đến gần, khi trong thế giới tôn giáo sẽ có sự hoang mang và rối loạn lớn. Sẽ có nhiều thần và nhiều chúa; mọi luồng gió giáo lý đều sẽ thổi; và Sa-tan, mặc áo thiên sứ, sẽ lừa dối, nếu có thể được, cả những người được chọn.

Sự khinh miệt phổ biến nhắm vào lòng mộ đạo và sự thánh khiết chân chính khiến những người không có mối liên hệ sống động với Đức Chúa Trời đánh mất lòng tôn kính luật pháp của Ngài. Và khi sự bất kính đối với luật pháp của Đức Chúa Trời ngày càng lộ rõ, ranh giới phân định giữa những người tuân giữ luật ấy với thế gian và với một hội thánh chuộng thế gian sẽ trở nên rõ rệt hơn. Tình yêu đối với các điều răn của Đức Chúa Trời nơi một nhóm càng tăng bao nhiêu, thì sự khinh miệt chúng nơi nhóm kia cũng càng tăng bấy nhiêu.

Đấng Ta Là vĩ đại đang bênh vực luật pháp của Ngài. Ngài đang phán với những kẻ làm cho luật pháp ấy ra vô hiệu trong những cơn bão, trong lũ lụt, trong cuồng phong, trong động đất, trong các hiểm nguy trên đất liền và ngoài biển. Bây giờ là lúc dân sự của Ngài tỏ ra trung

thành với nguyên tắc.

Chúng ta đang đứng trên ngưỡng cửa của những sự kiện trọng đại và trang nghiêm. Chúa đang ở trước cửa. Trên núi Ô-liu, Đấng Cứu Thế đã thuật lại những cảnh sẽ xảy ra trước biến cố trọng đại này: 'Các ngươi sẽ nghe nói về chiến tranh và những tin đồn về chiến tranh,' Ngài phán. 'Dân này sẽ đẩy lên nghịch cùng dân kia, và nước này nghịch cùng nước khác; và sẽ có nạn đói, dịch bệnh, và động đất ở nhiều nơi. Tất cả những điều ấy là khởi đầu của cơn đau đớn.' Dù những lời tiên tri này đã được ứng nghiệm một phần khi thành Giê-ru-sa-lem bị hủy diệt, chúng có sự áp dụng trực tiếp hơn trong những ngày sau rốt.

Giăng và các nhà tiên tri khác cũng đã chứng kiến những cảnh tượng khủng khiếp sẽ xảy ra như những dấu hiệu về sự tái lâm của Đấng Christ. Họ thấy các đạo quân tập hợp để giao chiến, và lòng người rụng rời vì sợ hãi. Họ thấy đất bị dời khỏi chỗ của nó, núi non bị ném vào giữa biển, sóng gầm thét và dậy động, và núi non rung chuyển bởi sự dâng trào của nó. Họ thấy các chén thịnh nộ của Đức Chúa Trời được mở ra, và dịch bệnh, nạn đói, cùng sự chết giăng trên cư dân trên mặt đất.

Hiện nay tác động kiềm chế của Đức Thánh Linh đang dần được rút khỏi thế gian. Và các cơn cuồng phong, bão tố, tai họa trên biển và trên đất liền, nối tiếp nhau dồn dập. Khoa học tìm cách giải thích tất cả những điều ấy. Những dấu hiệu dày đặc quanh chúng ta, cho biết Con Đức Chúa Trời sắp đến gần, lại bị quy cho đủ mọi nguyên nhân khác chứ không phải nguyên nhân thật. Con người không nhận ra các thiên sứ canh gác đang kiềm giữ bốn luồng gió để chúng không thổi cho đến khi các tội tớ của Đức Chúa Trời được đóng ấn; nhưng khi Đức Chúa Trời truyền các thiên sứ của Ngài thả các luồng gió ra, sẽ có một cảnh tượng cơn thịnh nộ báo trả của Ngài mà không bút nào có thể diễn tả.

Một cơn khủng hoảng đang ập đến; nhưng các tội tớ của Đức Chúa Trời không được cậy vào chính mình trong cơn nguy cấp lớn này. Trong những khái tượng ban cho Ê-sai, Ê-xê-chi-ên và Giăng, chúng ta thấy thiên đàng gắn bó mật thiết như thế nào với những biến cố đang diễn ra trên đất. Chúng ta thấy sự chăm sóc của Đức Chúa Trời đối với những ai trung thành với Ngài. Thế giới không phải vô chủ. Tiến trình của những sự kiện sắp đến ở trong tay Chúa. Đấng Tối Cao của thiên đàng nắm giữ vận mệnh các dân tộc, cũng như công việc của Hội Thánh Ngài, trong tay chính Ngài.

Đức Chúa Trời đã bày tỏ những điều sẽ xảy ra trong những ngày sau rốt, để dân sự của Ngài được chuẩn bị đứng vững trước những cơn bão tố của sự chống đối và cơn thịnh nộ. Những người đã được cảnh báo về những biến cố trước mắt không được ngồi yên mà bình thản trông đợi cơn bão sắp đến, tự an ủi rằng Chúa sẽ che chở những người trung tín của Ngài trong ngày hoạn nạn. Chúng ta phải như những người đang chờ đợi Chúa mình, không phải trong sự mong đợi lười nhác, nhưng trong công việc sốt sắng, với đức tin không lay chuyển. Bây giờ không phải là lúc để tâm trí chúng ta bị cuốn vào những điều thứ yếu.

Trong khi người ta đang ngủ, Sa-tan đang tích cực sắp đặt mọi việc để dân của Chúa không được hưởng lòng thương xót hay công lý. Phong trào Chủ Nhật hiện đang lặn lẽ tiến bước trong bóng tối. Các nhà lãnh đạo đang che giấu vấn đề thực sự, và nhiều người liên kết với phong trào ấy chính họ cũng không thấy dòng chảy ngầm đang hướng về đâu. Những lời tuyên

bổ của nó thì ôn hòa và bề ngoài có vẻ Cơ Đốc; nhưng khi nó lên tiếng, nó sẽ bộc lộ tinh thần của con rồng. Bồn phận của chúng ta là làm tất cả trong khả năng để ngăn chặn mọi nguy đang đe dọa. Chúng ta nên trình bày trước dân chúng câu hỏi thực sự đang được đặt ra, qua đó đưa ra sự phản đối hữu hiệu nhất đối với các biện pháp hạn chế tự do lương tâm. Chúng ta nên tra xem Kinh Thánh và có thể đưa ra lý do cho đức tin của mình. Tiên tri nói: “Kẻ ác sẽ làm điều ác, và chẳng có ai trong bọn ác hiểu; nhưng người khôn sáng sẽ hiểu.”

Một tương lai trọng đại đang ở trước mắt chúng ta. Để đối diện với những thử thách và cám dỗ của nó, và để chu toàn các bồn phận, chúng ta sẽ cần đức tin lớn lao, nhiệt huyết và lòng bền bỉ. Nhưng chúng ta có thể chiến thắng vẻ vang; vì không một linh hồn tinh thức, cầu nguyện và tin cậy nào sẽ bị mắc bẫy bởi mưu kế của kẻ thù. Cả thiên đàng đều quan tâm đến phúc lợi của chúng ta, và chờ đợi chúng ta kêu cầu sự khôn ngoan và sức mạnh của thiên đàng. Mọi ảnh hưởng chống đối, dù công khai hay kín đáo, đều có thể được kháng cự cách đắc thắng, 'không phải bởi quyền thế hay sức lực, nhưng bởi Thần Ta, Chúa của muôn quân phán vậy.' Đức Chúa Trời hiện nay cũng sẵn lòng như thuở xưa để hành động qua nỗ lực của con người, và để thực hiện những điều lớn lao qua các khí cụ yếu đuối. Chúng ta sẽ không đạt được chiến thắng nhờ số đông, mà nhờ sự phó thác trọn vẹn linh hồn cho Chúa Giê-su.

Bây giờ, khi lòng thương xót vẫn còn nán lại, khi Chúa Giê-su đang cầu thay cho chúng ta, chúng ta hãy làm công việc cách triệt để cho cõi đời đời. Southern Watchman, ngày 25 tháng 12 năm 1906.